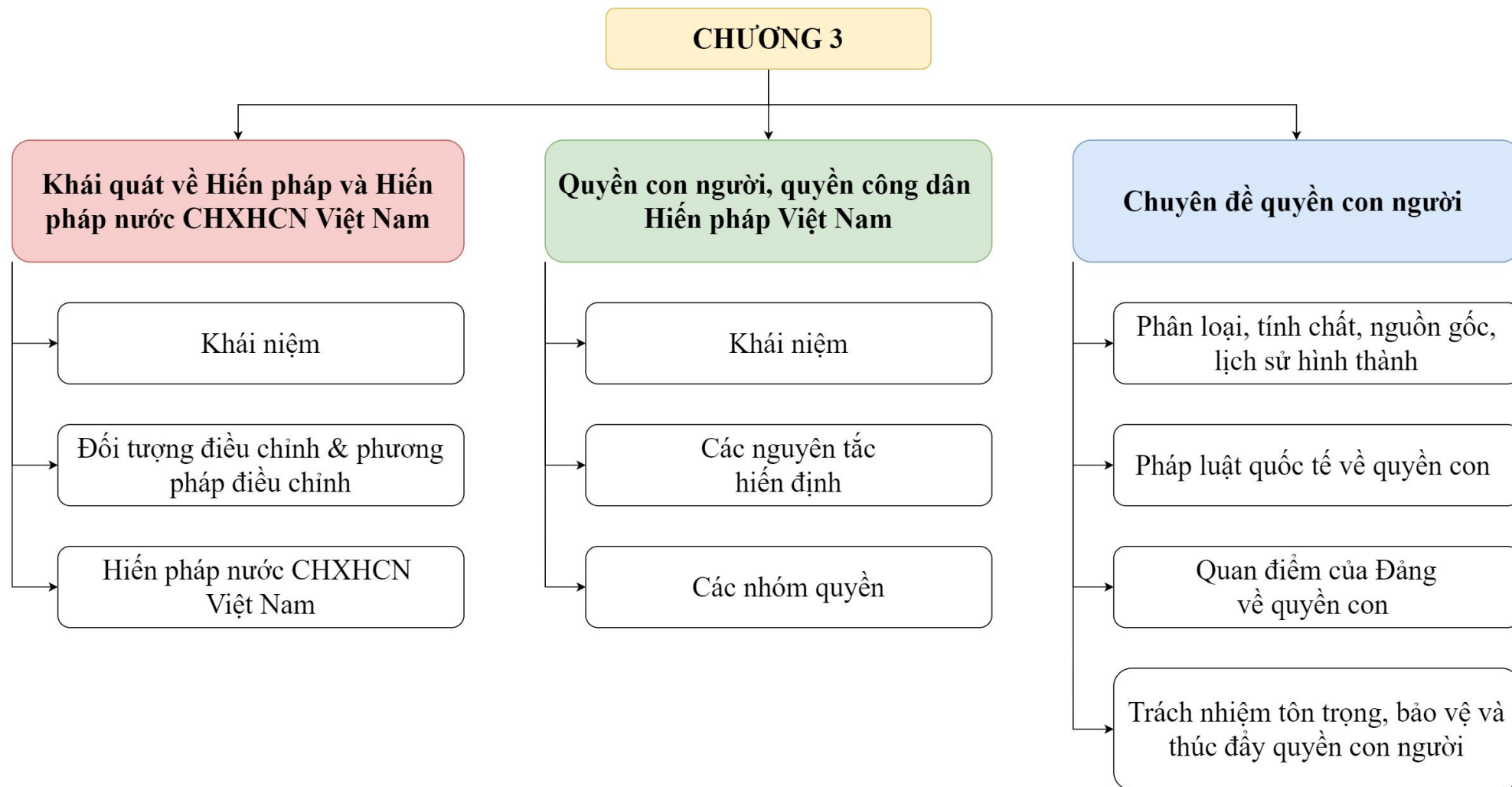


# CHƯƠNG 3

## KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP VÀ HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GV:

Email:



- 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam
- 3.2. Quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam
- 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

**3.1.1. Khái niệm Hiến pháp**

**3.1.2. Đối tượng điều chỉnh & phương pháp điều chỉnh Hiến pháp**

**3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam**

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.1. Khái niệm Hiến pháp

#### ❖ Khái niệm của Hiến pháp

Hiến pháp là hệ thống các quy phạm pháp luật có *hiệu lực pháp lý cao nhất*, quy định những *vấn đề cơ bản nhất* về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách, kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lý của con người và công dân.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.1. Khái niệm Hiến pháp

- **Về mặt nội dung:** hiến pháp là văn bản có địa vị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật của một quốc gia, là một văn bản luật đặc biệt do cơ quan đặc biệt làm ra, có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.
- Hiến pháp nước CHXHCNVN do Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của quốc gia – ban hành, theo một quy trình thủ tục đặc biệt.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.1. Khái niệm Hiến pháp

- Về mặt hình thức thể hiện, hiến pháp có thể chia thành hiến pháp thành văn và hiến pháp bất thành văn:
  - + ***Hiến pháp thành văn:*** là một văn bản nhất định quy định về tổ chức quyền lực nhà nước, quyền con người, quyền công dân.
  - + ***Hiến pháp bất thành văn:*** là tập hợp một số luật, tập quán quan trọng được coi là luật cơ bản của Nhà nước.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.1. Khái niệm Hiến pháp

- *Đặc trưng của Hiến pháp*: 4 đặc trưng

- + Hiến pháp là luật tổ chức;
- + Hiến pháp là luật cơ bản;
- + Hiến pháp là luật bảo vệ các quyền con người, quyền công dân;
- + Hiến pháp là luật tối cao.



## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Hiến pháp

#### ❖ *Đối tượng điều chỉnh*

- Đối tượng điều chỉnh của Hiến pháp *là những mối quan hệ xã hội cơ bản nhất và quan trọng nhất* trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và nhà nước, những quan hệ xã hội tạo thành nền tảng của chế độ xã hội và nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Hiến pháp

❖ *Đối tượng điều chỉnh* bao gồm 03 nhóm:

- + Nhóm 1: Các quan hệ xã hội trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, chính sách đối ngoại.
- + Nhóm 2: Các quan hệ xã hội giữa nhà nước và người dân, xác định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- + Nhóm 3: Các quan hệ xã hội và quan trọng nhất trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Hiến pháp

#### ❖ *Phương pháp điều chỉnh*

- Phương pháp điều chỉnh là cách thức luật hiến pháp tác động lên đối tượng điều chỉnh.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Hiến pháp

#### ❖ *Phương pháp điều chỉnh*

- Phương pháp điều chỉnh là cách thức luật hiến pháp tác động lên đối tượng điều chỉnh.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Hiến pháp

❖ ***Phương pháp điều chỉnh:*** Bao gồm 4 phương pháp:

- + Phương pháp xác lập những nguyên tắc chung cho các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ mà ngành luật điều chỉnh.
- + Phương pháp trao quyền;
- + Phương pháp bắt buộc;
- + Phương pháp cấm.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

❖ *Các bản Hiến pháp Việt Nam:* 5 bản hiến pháp bao gồm:

- Hiến pháp năm **1946**;
- Hiến pháp năm **1959**;
- Hiến pháp năm **1980**;
- Hiến pháp năm **1992** (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001);
- Hiến pháp năm **2013**.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Hiệu lực của Hiến pháp Việt Nam*

- Là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật.
- Có hiệu lực trên phạm vi toàn lãnh thổ quốc gia.
- Do cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất – Quốc hội - ban hành.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

Bố cục 11 chương, 120 điều, quy định những vấn đề cơ bản nhất:

- Chế độ chính trị (chương 1);
- Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân (chương 2);
- Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường và bảo vệ tổ quốc (chương 3, 4);
- Tổ chức bộ máy nhà nước (chương 5 đến chương 10).



## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- *Chế độ chính trị*: là *tổng thể các nguyên tắc, quy phạm của luật hiến pháp* để xác lập và điều chỉnh các vấn đề về chính thể và chủ quyền quốc gia, về bản chất và mục đích của nhà nước, về tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước và quyền lực nhân dân, về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và chính sách đối nội, đối ngoại của nước CHXHCN Việt Nam.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

##### *- Hệ thống chính trị bao gồm:*

- + Đảng cộng sản Việt Nam;
- + Nhà nước CHXHCNVN;
- + Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên (Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Hội cựu chiến binh Việt Nam).

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Hiến pháp năm 2013 cũng quy định về
  - + Quốc kỳ;
  - + Quốc huy;
  - + Quốc ca;
  - + Ngày Quốc khánh
  - + Thủ đô.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

+ Quốc kỳ: Ý nghĩa của lá cờ với nền màu đỏ tượng trưng cho màu của cách mạng, máu của các anh hùng, ngôi sao vàng tượng trưng cho linh hồn dân tộc và năm cánh sao tượng trưng cho năm tầng lớp tham gia cách mạng sĩ, nông, công, thương, binh cùng đoàn kết kháng chiến.



## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

+ Quốc huy: Tượng trưng cho lịch sử cách mạng của dân tộc và tiền đồ tươi sáng của quốc gia; Hai bó lúa màu vàng sẫm: tượng trưng cho nông nghiệp; Bánh xe răng cưa: tượng trưng cho công nghiệp; Chính giữa, phía dưới là Quốc hiệu.



## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

+ Ngày Quốc khánh: Ngày 02/9/1945. Là ngày kỷ niệm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.



## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

+ Thủ đô: Thành phố Hà Nội.





## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân:
  - + Chương II Hiến pháp năm 2013 bao gồm 36 điều, quy định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là chương có nhiều sự đổi mới;
  - + Lần đầu tiên trong Hiến pháp Việt Nam ghi nhận “Quyền con người”;
  - + Bổ sung một số quyền mới, bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền con người, quyền công dân.



## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Chế độ KT, XH, VH, GD, KH-CN và môi trường và bảo vệ tổ quốc:
- + Chương III Hiến pháp năm 2013 bao gồm 14 điều, quy định về chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường và bảo vệ tổ quốc;
- + Về tính chất, mô hình, các thành phần của nền kinh tế Việt Nam, Hiến pháp sửa đổi xác định nền kinh tế Việt Nam là ***nền kinh tế thị trường định hướng XHCN***;

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường và bảo vệ tổ quốc:
  - + Lần đầu tiên, vị trí, vai trò của ***doanh nhân, doanh nghiệp*** được ghi nhận trong Hiến pháp;
  - + Về chế độ sở hữu, Hiến pháp sửa đổi ghi nhận, ***tôn trọng đa hình thức sở hữu***, bảo hộ quyền sở hữu tư nhân và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường và bảo vệ tổ quốc:

+ *Về tài sản thuộc sở hữu toàn dân*, Hiến pháp sửa đổi quy định đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên khác... và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là *tài sản công thuộc sở hữu toàn dân* do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Tổ chức bộ máy nhà nước:

+ *Nguyên tắc tổ chức:*

- Điều 2 Hiến pháp 2013 khẳng định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là *nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.*

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

- Tổ chức bộ máy nhà nước:

+ *Nguyên tắc tổ chức:*

- *Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.*

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

#### + *Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước:*

- Bộ máy nhà nước là tổng thể các cơ quan Nhà nước từ Trung ương tới địa phương, được tổ chức, hoạt động theo những nguyên tắc thống nhất;
- Bao gồm: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương.

## 3.1. Khái quát về Hiến pháp và Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

### 3.1.3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Nội dung của Hiến pháp năm 2013*

#### + *Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước:*

- Xét theo chức năng, bao gồm: *cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan chấp hành; cơ quan tòa án (xét xử); cơ quan viện kiểm sát; cơ quan hiến định độc lập và Chủ tịch nước.*
- Xét theo phạm vi lãnh thổ, bao gồm: cơ quan nhà nước ở *Trung ương* và cơ quan nhà nước ở *địa phương* tại các cấp đơn vị hành chính lãnh thổ.

## **3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam**

**3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân**

**3.2.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân**

**3.2.3. Các nhóm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam**



## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ Khái niệm quyền con người

- Quyền con người được hiểu là những đảm bảo pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm những sự được phép và sự tự do cơ bản của con người.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ Khái niệm quyền con người

- Quyền con người là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm.
- Bao gồm:
  - + Các quyền về dân sự, chính trị;
  - + Các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ Đặc trưng cơ bản của quyền con người

- Tính phổ biến (universality);
- Tính không thể tước bỏ hoặc chuyển nhượng (inalienability);
- Tính không thể phân chia (Indivisibility);
- Tính liên hệ và phụ thuộc (Interdependence and Interrelatedness).

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- ***Quyền công dân***: là khả năng của công dân được thực hiện những hành vi nhất định mà pháp luật không cấm theo ý chí, nhận thức và sự lựa chọn của mình. Hệ quả là đối với quyền, công dân có tự do ý chí và Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện cho việc thụ hưởng quyền.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- *Nghĩa vụ của công dân*: là yêu cầu bắt buộc của Nhà nước về việc công dân phải thực hiện những hành vi (hành động hoặc không hành động) nhất định, nhằm đáp ứng lợi ích của nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ Đặc trưng quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Về nguồn gốc: xuất phát từ các quyền tự nhiên và được hầu hết các quốc gia trên thế giới thừa nhận.
- Về hình thức pháp lý: được quy định trong Hiến pháp - văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất.
- Về hệ quả: là nguồn gốc phát sinh các quyền và nghĩa vụ khác của công dân.
- Về ý nghĩa: phản ánh tính dân chủ, nhân văn và sự tiến bộ của nhà nước.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

❖ *Nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân*

- Được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền con người và quyền con người chỉ có thể được đảm bảo bằng những quy định về quyền công dân trong pháp luật của mỗi quốc gia.
- Trường hợp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong trường hợp đặc biệt vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- ❖ *Nguyên tắc quyền con người, quyền công dân không tách rời nghĩa vụ, mọi người, mọi công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội*
- Việc bảo đảm quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân;
- Nhà nước ***đảm bảo*** cho con người và công dân những ***quyền*** lợi hợp pháp nhưng mặt khác cũng ***đòi hỏi*** mọi người, mọi công dân phải thực hiện nghiêm chỉnh các ***nghĩa vụ***.



## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

#### ❖ *Nguyên tắc mọi người, mọi công dân bình đẳng trước pháp luật*

- Bảo đảm tất cả mọi người đều có vị thế ngang nhau trước pháp luật;
- Bảo đảm mọi người có quyền không bị phân biệt đối xử được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Thể hiện qua: Bình đẳng quyền và nghĩa vụ; bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo; Bình đẳng giới.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp Việt Nam

### 3.2.2. Các nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- ❖ *Nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác*
  - Ngăn ngừa sự lạm dụng các quyền con người, quyền công dân;
  - Nhấn mạnh tinh thần trách nhiệm cùng với sự chủ động của mỗi cá nhân trong việc thụ hưởng quyền;
  - Nhiều quy phạm luật định đã thể chế nguyên tắc này như Tội vu khống Điều 156 BLHS, Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ theo Điều 331 BLHS.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp CHXHCN Việt Nam

### 3.2.3. Các nhóm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong HP nước CHXHCN Việt Nam

- ❖ *Nhóm quyền con người*: thể hiện thông qua 02 nhóm quyền tại Chương II Hiến pháp năm 2023 là:
- Các quyền con người về dân sự, chính trị;
  - Các quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa;

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp CHXHCN Việt Nam

### 3.2.3. Các nhóm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong HP nước CHXHCN Việt Nam

❖ *Nghĩa vụ của con người*: 4 điều luật:

- Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43);
- Nghĩa vụ nộp thuế (Điều 47);
- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam (Điều 46, 48).

**Ví dụ:** khi mọi người tham gia giao thông phải tuân thủ luật lệ giao thông, đóng thuế thu nhập cá nhân nếu họ có thu nhập cao với mức phải đóng thuế theo quy định pháp luật...;

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp CHXHCN Việt Nam

### 3.2.3. Các nhóm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong HP nước CHXHCN Việt Nam

❖ *Quyền công dân*, bao gồm:

- Nhóm quyền về chính trị, dân sự.
- Nhóm quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội.

## 3.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp CHXHCN Việt Nam

### 3.2.3. Các nhóm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong HP nước CHXHCN Việt Nam

#### ❖ *Các nghĩa vụ cơ bản của công dân*

- Trung thành với Tổ quốc (Điều 44); Bảo vệ Tổ quốc (khoản 1 Điều 45); Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân (khoản 2 Điều 45); Tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (Điều 46); Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam (Điều 46).

+ Nghĩa vụ chấp hành các quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46); Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43); Nộp thuế (Điều 47); Nghĩa vụ học tập (Điều

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

- 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người**
- 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người**
- 3.3.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người**
- 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam**

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người



#### ❖ *Định nghĩa quyền con người*

Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người đưa ra:

***Quyền con người*** là những bảo đảm pháp lý phổ quát (universal legal guarantees) nhằm bảo vệ các cá nhân và các nhóm ***chống lại các hành vi làm tổn hại đến các quyền tự do cơ bản, quyền và phẩm giá con người.***



## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Định nghĩa quyền con người*

Quyền con người được hiểu là *những nhu cầu, lợi ích tự nhiên*, vốn có và *khách quan của con người*, được ghi nhận và bảo vệ trong *pháp luật quốc gia* và *các thỏa thuận pháp lý quốc tế*.



## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Phân loại quyền con người*

- Theo lĩnh vực: các quyền dân sự, chính trị; các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa.
- Theo tính chất: quyền thụ động và quyền chủ động.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Phân biệt quyền con người và quyền công dân*

- **Quyền con người:** là khái niệm mang tính cộng đồng nhân loại, là các quyền tự nhiên, bẩm sinh, không do chủ thể nào ban phát, áp dụng trên toàn thế giới, được bảo đảm và thực hiện giống nhau, không thay đổi theo thời gian, được thừa nhận bởi các công ước quốc tế.

- **Quyền công dân:** là một khái niệm gắn liền với Nhà nước, được quy định trong hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật của từng quốc gia, có thể thay đổi, chỉ áp dụng trong lãnh thổ quốc gia, đảm bảo bằng quyền lực nhà nước.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Tính chất quyền con người*

- Tính phổ biến (universality);
- Tính không thể tước bỏ hoặc chuyển nhượng (inalienability);
- Tính không thể phân chia (Indivisibility);
- Tính liên hệ và phụ thuộc (Interdependence and Interrelatedness).

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Nguồn gốc quyền con người*

- Học thuyết quyền tự nhiên (Natural Rights);
- Học thuyết pháp lý (Legal Rights);

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Triết học phương Tây:

+ Socrates (469-339 TCN): khẳng định quyền tự do tư tưởng, tự do biểu đạt, tự do sống cuộc đời mình chọn lựa.

+ H Aristotle (384-322 TCN): quyền hoặc công lý được coi là chung cho tất cả mọi người và bắt nguồn từ tự nhiên hơn là từ các quy tắc của xã hội hay luật thực định.

+ Marcus Tullius Cicero (106-43 TCN): luật tự nhiên là phổ quát.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Triết học phương Đông:

- + Khổng Tử (551 TCN - 479 TCN): nhấn mạnh yếu tố đạo đức của mỗi cá nhân và chính quyền, tính đúng đắn trong các mối quan hệ xã hội, sự công bằng.
- + Mạnh Tử (372-289 TCN): dân là tối quan trọng; tiếp đó là xã tắc; cuối cùng mới là người cai trị. Tâm chí có thể chi phối những hoạt động của con người kể cả thể lực, khí lực; đó là cái bậc nhất trong con người, của con người.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Triết học phương Đông:

+ Tuân Tử (316 - 237 TCN): con người sinh ra vốn dĩ là ác, do đó cần phải có “lễ” (tức là cần được giáo dục) để điều chỉnh, sửa đổi bản tính ác của con người.

+ Hàn Phi (280-233 TCN): đề cao phương pháp dùng thế, dùng thuật, dùng luật để trị nước, chủ yếu là thuyết Pháp trị, cho rằng cách tốt nhất để quản lý xã hội là dùng pháp luật.



## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Thời kỳ khai sáng đến cuối thế kỷ 19:
  - + Đến thế kỷ XIII, văn hóa và nghệ thuật châu Âu mới bước vào giai đoạn Phục Hưng. Phong trào Khai sáng đã góp phần tạo ra cơ sở tri thức cho Cách mạng Mỹ và Cách mạng Pháp, dẫn tới sự nổi lên của chủ nghĩa tự do cổ điển.
  - + Nhiều nhà tư tưởng đã có những tác phẩm luận rất sâu sắc về quyền sống (Thomas Hobbes), tự do ngôn luận (John Milton), về quyền dân chủ, mối quan hệ giữa công dân và chính quyền (John Locke, Montesquieu, J. J. Rousseau)...

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Thời kỳ khai sáng đến cuối thế kỷ 19:
  - + Thế kỷ 13 nổi bật với tư tưởng về đại diện của nhân dân (People's representation).
  - + Thế kỷ 17 ghi nhận sự phát triển của khái niệm quyền con người được thể hiện bởi Tuyên ngôn về quyền con người của Anh - 1689.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Thời kỳ khai sáng đến cuối thế kỷ 19:
  - + Thế kỷ 18 nổi bật với tư tưởng về quyền tự do cá nhân, đây là giai đoạn mà Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ - 1776 và Tuyên ngôn quyền con người và quyền công dân của Pháp - 1789 được ban hành.
  - + Thế kỷ 19 ghi nhận quyền kinh tế xã hội và bãi bỏ chế độ nô lệ.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Thế kỷ 19, chủ nghĩa tự do tiếp tục được kế tiếp và phát triển.
- Chủ nghĩa cộng sản với các nhà là Marx và Engel đã có những đóng góp to lớn vào nhận thức của nhân loại về con người và giải phóng con người cũng như về công bằng xã hội.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.1. Phân loại, tính chất, nguồn gốc và lịch sử hình thành quyền con người

#### ❖ *Lịch sử hình thành tư tưởng về quyền con người*

- Đầu thế kỷ 20 nổi bật với tư tưởng về quyền bình đẳng giữa nam và nữ.
- Các tiêu chuẩn phổ quát về quyền con người, từ Tuyên ngôn Quốc tế quyền con người (1948) đã xuất hiện một loạt các công ước, tuyên bố và cơ quan giám sát quyền con người quốc tế.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Khái quát pháp luật quốc tế về quyền con người*

- Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc, cộng đồng quốc tế và các lực lượng tiến bộ đã cùng nhau ký kết Hiến chương thành lập nên Liên hợp quốc với mục đích nhằm thực hiện sự hợp tác quốc tế trong việc khuyến khích phát triển và tôn trọng quyền con người.
- Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR).

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Định nghĩa và đặc điểm của Luật quốc tế về quyền con người*

- Luật quốc tế về con người quyền là một ngành luật nằm trong hệ quốc tế chung (hay còn gọi là công pháp quốc tế).
- *Đối tượng điều chỉnh*: mối quan hệ giữa các chủ thể của Luật quốc tế là quốc gia, tổ chức quốc tế, dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết trong việc ghi nhận, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người ở mọi cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Định nghĩa và đặc điểm của Luật quốc tế về quyền con người*

- *Chủ thể*: Chủ thể của Luật quốc tế về quyền con người là các chủ thể của luật quốc tế: quốc gia, tổ chức quốc tế, dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết.
- *Con đường hình thành* các nguyên tắc, quy phạm: thông qua phương thức thỏa thuận.
- *Cơ chế đảm bảo thực hiện*: dựa trên cơ chế tự thực hiện.



## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Nguồn của Luật quốc tế về quyền con người*

- Bao gồm nguồn cơ bản và nguồn bổ trợ.

+ *Nguồn cơ bản:*

- Các điều ước quốc tế (công ước, nghị định thư, có hiệu lực toàn cầu hay khu vực) về quyền con người;
- Tập quán quốc tế được chấp nhận là luật;
- Các nguyên tắc pháp luật chung.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Nguồn của Luật quốc tế về quyền con người*

+ *Nguồn bổ trợ:*

- Các văn kiện quốc tế khác về quyền con người (các tuyên bố, tuyên ngôn, khuyến nghị, nguyên tắc, hướng dẫn...);
- Những bình luận, khuyến nghị chung và những kết luận khuyến nghị do ủy ban giám sát các công ước quốc tế về quyền con người đưa ra;
- Các nghị quyết có liên quan đến vấn đề quyền con người.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

❖ *Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia về quyền con người*

- Pháp luật quốc gia có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành và phát triển của Luật quốc tế về quyền con người, đồng thời đóng vai trò là phương tiện để thực hiện Luật quốc tế.
- Luật quốc tế lại tác động trở lại đối với sự phát triển và hoàn thiện của pháp luật quốc gia, hướng luật quốc gia phát triển theo chiều hướng tiến bộ và dân chủ hơn.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia về quyền con người*

- Có hai cách thức quốc gia thành viên có thể thực hiện để thi hành các Điều ước quốc tế đó là áp dụng trực tiếp và áp dụng gián tiếp.
- + ***Áp dụng trực tiếp:*** thực hiện thông qua một tuyên bố rõ rệt được ghi nhận trong Hiến pháp hoặc các văn kiện khác của quốc gia.
- + ***Áp dụng gián tiếp:*** là hành vi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện các cam kết quốc tế.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia về quyền con người*

- Các điều ước quốc tế sẽ có hiệu lực khi:
- + Phải được ký kết trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng;
- + Nội dung của điều ước không trái với các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế;
- + Thẩm quyền và trình tự thủ tục ký phải đúng quy định các bên kết ước.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Quy định của pháp luật quốc tế về quyền con người trong một số lĩnh vực*

- Quyền con người trong lĩnh vực dân sự, chính trị và đặc thù:

Quyền con người trong lĩnh vực dân sự, chính trị là nhóm quyền ***gắn liền với phạm trù tự do cá nhân*** nhằm hạn chế, ngăn chặn sự lạm quyền và sự tùy tiện xâm hại đến cuộc sống tự do của cá nhân con người từ phía nhà nước và các cơ quan được nhà nước trao thẩm quyền.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

- ***Đặc thù quyền con người trong lĩnh vực dân sự, chính trị:***
  - + Là các quyền có tính chất liên kết chặt chẽ với nhân thân của cá nhân con người và được hình thành sớm hơn so với quyền trong những lĩnh vực khác;
  - + Là những quyền thụ động: nhà nước trong hầu hết các trường hợp, không cần chủ động thực hiện các biện pháp hỗ trợ;
  - + Không phụ thuộc vào nguồn lực vật chất đảm bảo và ít bị ảnh hưởng bởi trình độ phát triển kinh tế của quốc gia;

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### ❖ *Nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa:*

- ***Định nghĩa:*** Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là những quyền con người liên quan đến các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa cơ bản, cần thiết để con người sống một cuộc sống thích đáng và tự do, bao gồm các quyền liên quan đến việc làm, an sinh xã hội, cuộc sống gia đình, y tế, giáo dục, thực phẩm, nước, nhà ở, môi trường lành mạnh.



## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.2. Pháp luật quốc tế về quyền con người

#### *- Đặc trưng nhóm quyền kinh tế, xã hội và văn hóa:*

- + Hướng tới việc tạo lập các điều kiện cũng như sự đối xử bình đẳng, công bằng cho mọi cá nhân;
- + Nội dung luôn có sự thay đổi phù hợp với sự phát triển của kinh tế, xã hội;
- + Chuẩn mực về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa có đặc trưng riêng của quốc gia;
- + Hầu hết là những quyền có tính chương trình, cương lĩnh và chỉ có thể thực hiện dần dần, bằng nhiều biện pháp;

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người

- *Nội dung khái quát quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quyền con người:*

- (1) Quyền con người là giá trị chung của nhân loại;
- (2) Trong xã hội có phân chia giai cấp đối kháng, khái niệm quyền con người có tính giai cấp sâu sắc;
- (3) Giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội;

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người

- *Nội dung khái quát quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quyền con người:*

(4) Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội kết hợp chặt chẽ với nhau;

(5) Quyền dân chủ, tự do của mỗi cá nhân không tách rời nghĩa vụ và trách nhiệm công dân;

(6) Quyền con người gắn với quyền dân tộc cơ bản và thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia;

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người

- *Nội dung khái quát quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quyền con người:*

(7) Quyền con người luôn luôn gắn với lịch sử, truyền thống và phụ thuộc ích vào trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước;

(8) Quyền con người gắn với các điều kiện phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

(9) Bảo đảm sự bình đẳng giữa các quyền, có ưu tiên quyền của các nhóm yếu thế, thiểu số và quyền phát triển.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

❖ *Khái quát về trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện quyền con người*

- Chủ thể: nhà nước, đảng chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, gia đình và cá nhân.
- Các loại trách nhiệm: thụ động và chủ động; tức thì và theo tiến độ; trách nhiệm tổ chức và trách nhiệm đạt được kết quả.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

#### ❖ *Nội dung trách nhiệm*

- Trách nhiệm của *nhà nước* trong việc *tôn trọng quyền con người*
- + Ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để nội luật hóa những quyền con người đã được ghi nhận trong pháp luật quốc tế;
- + Trên cơ sở quy định trong Hiến pháp, Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác ban hành văn bản luật và văn bản dưới luật quy định cụ thể nội dung và thủ tục thực hiện các quyền con người.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

- Trách nhiệm của *nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người*
- + Tất cả các cơ quan của Nhà nước đều có nhiệm vụ bảo vệ quyền con người ở các góc độ khác nhau tùy theo vị trí, chức năng của từng cơ quan.
- + Nhà nước thiết lập các cơ chế và thiết chế để phát hiện vi phạm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam.
- + Bao gồm: thanh tra, kiểm tra, giám sát, khiếu nại, tố cáo, tố giác về vi phạm quyền con người nói chung, quyền công dân nói riêng.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

#### *- Trách nhiệm của Nhà nước trong việc thúc đẩy thực hiện quyền con người*

- + Ban hành và thực hiện các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền con người.
- + Xây dựng và củng cố công trình hạ tầng kỹ thuật của đất nước.



## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

❖ *Trách nhiệm của các chủ thể khác trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam*

- *Trách nhiệm của doanh nghiệp:*

- + Tuyên bố cam kết thực hiện trách nhiệm tôn trọng quyền con người;
- + Kiểm chế và kiểm soát các hoạt động của mình, thực hiện các biện pháp khắc phục khi hoạt động của doanh nghiệp tác động tiêu cực đến hay vi phạm quyền con người;
- + Có biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực quyền con

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

❖ *Trách nhiệm của các chủ thể khác trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam*

- *Trách nhiệm của tổ chức xã hội:*

- + Điều lệ của tổ chức không trái với quyền con người;
- + Hoạt động của tổ chức xã hội phải tuân thủ pháp luật, không trái pháp luật và không được gây ra vi phạm quyền con người;
- + Thực hiện thông qua việc giám sát, tố cáo, tố giác hành vi vi phạm quyền con người hoặc trực tiếp khởi kiện trong một số trường hợp.

## 3.3. Chuyên đề “Quyền con người”

### 3.3.4. Trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

❖ *Trách nhiệm của các chủ thể khác trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam*

- *Trách nhiệm của cá nhân:*

- + Tôn trọng quyền con người của người khác.
- + Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo khuôn khổ pháp luật.

## Câu 1. Nhận định nào về Hiến pháp là không đúng?

A. Hiến pháp ra đời cùng với sự ra đời của nhà nước đó

B. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước

C. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý cao nhất

D. Hiến pháp được xây dựng, ban hành, bổ sung, sửa đổi với một thủ tục đặc biệt

**Câu 2. Lịch sử lập hiến của nước ta đã trải qua 5 bản hiến pháp bao gồm?**

A. HP 1945; HP 1959; HP 1982; HP 1992 và HP 2013

B. HP 1946; HP 1959; HP 1982; HP 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 và HP 2023

C. HP 1946; HP 1959; HP 1982; HP 1992 và HP 2013

D. HP 1946; HP 1959; HP 1980; HP 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 và HP 2013

### Câu 3. Đối tượng điều chỉnh của Hiến pháp bao gồm?

A. QHXXH nền tảng, cơ bản và quan trọng nhất trong lĩnh vực chính trị, KT-VH-GD, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, chính sách đối ngoại

B. Các quan hệ xã hội giữa cơ quan nhà nước với nhau

C. Các quan hệ xã hội liên quan đến nguồn gốc và bản chất nhà nước

D. Tất cả các đáp án đều đúng

## Câu 4. Phương pháp điều chỉnh của luật hiến pháp không bao gồm?

A. Phương pháp xác lập những nguyên tắc chung cho các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ mà ngành luật điều chỉnh

B. Phương pháp trao quyền

C. Phương pháp tự do thỏa thuận

D. Phương pháp bắt buộc

## Câu 5. Hệ thống chính trị nước ta theo Hiến pháp năm 2013 bao gồm?

A. Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước CHXHCNVN; Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

B. Cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp

C. Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước; Mặt trận tổ quốc Việt Nam

D. Cơ quan hành chính, cơ quan xét xử, cơ quan xây dựng pháp luật



## Câu 6. Nhận định nào về nội dung của Hiến pháp năm 2013 là không đúng?

A. Đất đai thuộc sở hữu nhà nước, người dân có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt

B. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội

C. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế

D. Có quy định về các chính sách môi trường và trách nhiệm bảo vệ môi trường

**Câu 7. Nội dung nào đúng về nhà nước, tổ chức bộ máy nhà nước được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 đúng?**

A. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp trị của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân

B. Nước CHXHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân

C. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân quyền và đối trọng giữa ba nhánh quyền lực là: lập pháp, hành pháp, tư pháp

D. Bộ máy nhà nước Việt Nam theo cơ chế tam quyền phân lập, bao gồm cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp

## Câu 8. Nội dung nào về quyền con người là đúng?

A. Chỉ bao gồm các quyền về dân sự, chính trị

B. Là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm

C. Có đặc trưng là có thể chuyển nhượng và phân chia

D. Mỗi một quyền là độc lập, không bị phụ thuộc hay tác động qua lại bởi các quyền khác

## Câu 9. Nội dung vào về quyền công dân là đúng?

A. Có phạm vi rộng hơn quyền con người

B. Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng chứ không nhất thiết phải tạo điều kiện cho việc thụ hưởng quyền

C. Gắn liền với quốc tịch

D. Chỉ được quy định trong Hiến pháp

**Câu 10. Nhận định nào sau đây về quyền và nghĩa vụ của công dân là SAI?**

A. Hiến pháp là cơ sở đầu tiên và chủ yếu để xác định địa vị pháp lý của công dân

B. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của CD là nguồn gốc phát sinh các quyền và nghĩa vụ khác của CD

C. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phản ánh tính dân chủ, nhân văn và sự tiến bộ của nhà nước

D. Không xuất phát từ các quyền tự nhiên thiêng liêng và có thể bị xâm phạm

## Câu 11. Nguyên tắc hiến định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân?

A. Nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân

B. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

C. Nguyên tắc quyền con người, quyền công dân tách rời với nghĩa vụ

D. Nguyên tắc mọi người, mọi công dân bình đẳng trước pháp luật chỉ bao gồm bình đẳng giới

## Câu 12. Nghĩa vụ của công dân bao gồm?

A. Nghĩa vụ nộp thuế; Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam

B. Nghĩa vụ tham gia quản lý nhà nước

C. Nghĩa vụ làm việc và tiếp cận giá trị văn hóa

D. Nghĩa vụ tố cáo hành vi vi phạm pháp luật

### Câu 13. Nhận định nào sau đây là SAI?

A. Quyền con người là khái niệm mang tính cộng đồng nhân loại, là quyền tự nhiên, bẩm sinh, không do chủ thể nào ban phát

B. Quyền công dân là quyền không thể tước bỏ trong mọi trường hợp

C. Quyền công dân được quy định trong hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật của từng quốc gia

D. Quyền con người là bất khả xâm phạm



**Câu 14. Nguồn gốc về quyền con người được thể hiện qua?**

A. Học thuyết quyền tự nhiên

B. Tất cả các đáp án đều đúng

C. Học thuyết pháp trị

D. Khái niệm quyền con người được thể hiện bởi Tuyên ngôn về quyền con người của Hoa Kỳ - 1774

**Câu 15. Các chủ thể có trách nhiệm tôn trọng quyền con người?**

A. Nhà nước

B. Tổ chức

C. Cá nhân

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng